con gái Nam Xương mà vua Lê Thánh Tông từng ngự bút đề thơ ai tụng. Tiến sĩ họ Vũ là con quan Hàn lâm viện thị giảng Vũ Văn Huyên, một bậc thức giả nổi tiếng văn thơ đất Nam Xang. Ngài sinh ngày 18-12 năm Gia Long thứ 6 tại Vĩnh Trụ. Hai lần tú tài. Năm trước đỗ cử nhân khoa Canh Tý (1840), năm sau đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa thi Tân Sửu (1841), Vũ Văn Lý được thăng cử giữ chức vụ Hàn lâm viện biên tu, Tri phủ Thái Bình, biên tu Quốc tử giám. Đến năm 1851, ông được vua Tự Đức cho an trí, về quê mở trường dạy học. Anh khoá Thắng theo học cụ nghè Vũ Văn Lý là chính, nhưng thỉnh thoảng vẫn xuống tập văn ở trường của Hoàng giáp Tam Đăng Phạm Văn Nghị mãi vùng biển Nam Định. Cùng lớp tập văn với Trần Bích San (1840 - 1877) người làng Vị Xuyên Nam Định, đậu Tam nguyên lúc 25 tuổi, trước Nguyễn Khuyến bốn khoa.

Ngày dân làng Vĩnh Trụ trùng tu ngôi đình, trân trọng mời quan nghè cất thượng lương và soạn văn bia. Bài văn bia có đoạn: "Luật lệ của làng là phải tiết kiệm, không được dùng của công vào việc ăn chơi xa xỉ, phải cấm mọi điều gian dối, ngăn chặn tham nhũng; cấm kỵ việc cạnh tranh kiện cáo. Vẫn biết rằng như lửa khói mỗi ngày bốc lên càng cao, cạnh tranh lợi nhuận là không hề giảm bớt. Việc

làng xóm tuy nhiều, nhưng chẳng ngại phiền, chi phí dù lớn cũng chẳng lo tốn kém; trước tiên phải thành hiệu quả trong dân, rồi đến việc phải hết sức thành tâm với thần linh. Có vậy việc mới nên thành quả. Đó là điều cần nói ra vậy". (Bản dịch của cử nhân Hán văn Phạm Quốc Bằng, tạp chí *Xưa Nay* số 121, tháng 8-2002). Những lời lẽ ấy còn đúng đến hôm nay và đời sau.

Tiến sĩ Vũ Văn Lý có tập thơ: *"Danh thần thi tập"*, gồm 120 bài thơ chữ Hán, đến mùa xuân năm 2002 được tìm thấy, cho người đọc biết được tâm tư thiết tha của ông với thế cuộc. Trong tập có 7 bài thơ chữ Hán viết về mùa thu, gửi gắm nỗi niềm nhớ quê, khao khát mong sớm được xum họp gia đình. Bài thơ cuối cùng từ biệt triều chính ông viết:

Quân thần phân nghị nhật nhĩ trường
Lão bệnh nan thân xứng sở vương
Phụng quốc nhất tâm thường tỉnh nguyệt
Ưu dân lưỡng phát dĩ thành sương.

Dịch nghĩa:

Tình vua tôi trải đã bao ngày
Già yếu bệnh tật chẳng xứng với mong ước (của vua)
Duy chỉ tấm lòng phụng sự đất nước luôn sáng như trăng rằm
Bởi ưu lo dân mà mái tóc ngả màu sương.

Dịch thơ:

Vua tôi tình trải bao ngày
Tuổi già sao đáp ơn dầy sở vương
Lòng trung - trăng sáng như gương
Nỗi lo dân nước, tóc sương lúc nào...

Nguyễn Thế Vinh *dịch*

Mong rằng thi tập này sớm ra mắt để người đời nay rõ hơn sự ảnh hưởng của bậc danh sư, với các học trò ưu tú mà tiêu biểu là Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến (1835 - 1909), Tiến sĩ Vũ Hữu Lợi (ông Nghè Lợi Giao Cù) (1836 - 1877), cùng nhiều môn sinh của ông đã trở thành danh nhân đất nước.

Năm Tự Đức thứ 24 (1871), khi học trò Nguyễn Khuyến đỗ đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, đệ nhất danh, thì người thầy Tiến sĩ Vũ Văn Lý được triều đình mời vào kinh sư Huế lần thứ 2 nhận chức Quốc tử giám Tế tửu, Hàn lâm viện thị giảng (tương đương với chức Hiệu trưởng trường Đại học Quốc gia ngày nay). Quan nghè họ Vũ dời sông Hương, núi Ngự về quê núi Đọi sông Châu khi 66 tuổi. Giờ Tý ngày 3-5 năm Tự Đức 30 (1878), người thầy lớn của nhiều danh nhân và nhiều thế hệ nho sĩ đã từ trần thọ 71 tuổi. Vua Tự Đức truy phong *Trung thuận đại phu*. Văn Thánh của triều đình nhà Nguyễn khắc bia đá lưu danh tên tuổi của ông, tấm bia đá ngày nay vẫn còn.

(Văn Nghệ số Tết Ất Dậu 2005)

PHẠM TẤT ĐẮC
VÀ BÀI THƠ "CHIÊU HỒN NƯỚC"

Tỉnh Hà Nam được tái lập, tôi cùng hai nhà thơ Trúc Thông, Nguyễn Hoa, người con của quê hương, công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam, biên soạn Tuyển tập Thơ Hà Nam. Cuốn sách chào năm 2000, trong đó chùm thơ *Yêu nước* và *Cách mạng* đã làm vẻ vang cho văn học Việt Nam, làm vẻ vang cho văn chương quê hương Nguyễn Khuyến, Nam Cao.

Lời vào sách: Sau các nhà cổ điển tiền bối, con cháu đất Hà Nam thành kính hồi tưởng lắng nghe tâm tình cao sáng của những nhà cách mạng: Hồ Xanh, Nguyễn Hữu Tiến, Phạm Tất Đắc, Nguyễn Duy Huân, Nguyễn Đức Qùy... Có trong thơ các vị những tử liệt sinh ly rất con người, nhưng chủ yếu là những truyền chỉ, kêu gọi cứu nước và cách mạng. Với *Nhà Thi sĩ* của Hồ Xanh cùng với *Là Thi sĩ* của Sóng Hồng, xuất hiện thời kỳ vận động cách mạng của Đảng ta, đã nổi tiếng trong khuynh hướng thơ tranh luận nghệ thuật. Thống thiết kêu gọi các nhà thơ hãy dời bỏ thế giới lãng mạn, nhập ngay vào thiên chức cao quý của ngòi bút lúc này là cứu thoát nhân dân, đất nước khỏi cảnh lầm than nô lệ.

Di ảnh cụ Lê Thị Giáo - thân mẫu Phạm Tất Đắc
(Ảnh chụp năm 1950)

Phạm Tất Đắc khi còn là học sinh trường Bưởi năm 1926. Ảnh chụp lại từ bìa cuốn Chiêu hồn nước, NXB Quốc Gia in 1945.

Vạch trời thét một tiếng vang
Cho thân tan với giang san nước nhà

Hai câu thơ vang dội, trích từ áng thơ bi tráng vang dội *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc, đã nối tiếp tiếng thơ trong những lá huyết thư của nhà yêu nước lớn Phan Bội Châu, gửi cho mỗi trái tim Việt Nam bầm máu.

Lịch sử Đảng bộ Hà Nam khẳng định: Bài thơ *Chiêu hồn nước* ra đời đúng vào lúc thực dân Pháp và tay sai đàn áp dã man phong trào bãi khóa, bãi thị, đình công được Nhà in Thanh Niên ở Hà Nội bí mật in và phát hành; được quần chúng, nhất là học sinh, sinh viên chào đón. Cảm hứng tự hào về quá khứ anh hùng của dân tộc, sự giầu có của đất nước, tác giả đau xót trước cảnh nước mất, nhà tan, dồn nén tình cảm vào ngòi bút làm cho từng lời, từng chữ trở thành người bạn đồng hành trong suốt quá trình đấu tranh của bao lớp thanh niên đất Việt. Âm hưởng man mác bi thương từ mỗi vần điệu, đã thức tỉnh bao người đứng lên. Bài thơ có tác dụng khích lệ lòng yêu nước, khí phách con cháu Lạc Hồng, nhanh chóng được truyền miệng rộng rãi. Lớp trẻ ngày ấy, họ tìm đọc báo chí cách mạng, thơ văn yêu nước, đang được phổ biến như Báo *Việt Nam hồn*, báo *Le Paria* (Người cùng khổ) của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc xuất bản ở Pháp được

bí mật đưa về nước, cùng đọc *Huyết tâm thư* của Phan Bội Châu, *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc...

Tuyển tập thơ Hà Nam mới trích in phần đầu của tác phẩm thơ dài 196 câu và tóm tắt tiểu sử tác giả, chưa làm thỏa mãn bạn đọc. Có người viết thư, tìm gặp chúng tôi với mong muốn biết thêm tư liệu về Phạm Tất Đắc, tuy mới 17 tuổi mà lời thơ ngang dọc đầy khí phách. *Chiêu hồn nước*, được Chính phủ Pháp liệt vào loại "nguy hiểm". Bài thơ ra đời năm 1927, cách đây ba phần tư thế kỷ, dù bị cấm, mỗi câu thơ còn in mãi trong trí nhớ người đọc, trở thành tài sản vô giá trong kho tàng văn học cách mạng Việt Nam.

CHUỘNG VÕ, SÀNH VĂN

Chúng tôi về Hợp Lý, quê hương Phạm Tất Đắc. Xã có 2.291 hộ với trên một vạn nhân khẩu, có hai nghìn học sinh đi học từ bậc tiểu học đến THCS. Các anh lãnh đạo địa phương cho biết: So với các xã trong huyện Lý Nhân, nơi đây còn nghèo nhưng lòng dân rất tự hào về truyền thống cách mạng. Là quê hương của người thanh niên yêu nước Phạm Tất Đắc. Hợp Lý còn nổi tiếng lò vật Phúc Châu, tương truyền có từ thời Trần. Những đô vật Trắm đen, Bè cạn, Nghé hoa... của đất sông Châu thời

trước, từng đọ tài trên các sới vật Phú Túc (Hà Tây), Đồng Kỵ (Kinh Bắc), Thủy Nguyên (Hải Phòng)... đến Nguyễn Văn Khanh, vô địch toàn quốc (1962), được in hình trên con tem Bưu chính Việt Nam, Nguyễn Ngọc Thuần vận động viên cấp kiện tướng Quốc gia. Buổi chiều về đây chúng tôi gặp lại đám trẻ theo anh Thuần ra bãi cỏ luyện võ, trước ngôi miếu cổ thờ ông Tổ lò vật, chuẩn bị ngày hội đầu xuân. Thật là đất chuộng võ, sành văn.

Bờ xôi ruộng mật. Xưa vũng trâu đầm, cỏ nước dài hàng thước, cá rô cỡ bàn tay. Từ tên làng Đặm, được một ông vua nhà Nguyễn cho đổi tên làng Dũng Kim - kho vàng. Thế mà các cụ truyền đời khổ ơi là khổ. Câu ca:

Sáng thì ăn bát cơm bay
Trưa xơi cơm húp, tối ngay cơm chùm.

Cơm bay là cám rang, cơm húp là cháo rau rền, cơm chùm là quả sung. Người trên bờ đói, kẻ dưới vạn chài cũng sớm mưa, chiều nắng, trong cảnh nước mất, thì *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc truyền về quê. Mặc cho mật thám, tay sai cấm đoán, dọa nạt người già, trẻ nhỏ đều thuộc. Cụ Phạm Văn Bài, người đã từng đi phu đồn điền Hớn Quản, nay đã tám mươi, còn nhớ hình ảnh ông đồ quê tận

Phong Doanh, Ý Yên (Nam Định) về dạy học ở ngay nhà chánh tổng, đã dạy cho trò nhỏ thuộc lòng: Sự tích Hai Bà Trưng, Chiêu hồn nước, Vè Đội Cấn... Để bao lớp thanh niên đi theo cách mạng.

Dòng họ Phạm sinh sống ở Dũng Kim đã lâu đời. Riêng xóm đò Mom này có 109 hộ đều chung họ Phạm. Trong nội tộc còn truyền giữ câu đối:

Mộc hữu thiên chi do nhất bản
Thùy ư hựu vạn hội đồng nguyên

Cây nghìn cành đều từ một gốc, sông bao nguồn do dòng chính phát ra. Dù đi đâu, người làng vẫn nhớ về quê cũ, giữ lời ăn tiếng nói đậm đà, như câu cửa miệng: *"Muốn ăn cơm ngon lấy con bà Mót, muốn ăn mật ngọt lấy chồng Đặm Hai"*... Đặm Hai là tên xưa của làng Dũng Kim.

TUỔI THƠ

Dưới bóng tre, chúng tôi ghé vào quán nước bên bờ sông Châu. Cụ chủ quán Phạm Thị Khá nay đã ngoài tám mươi. Chồng cụ là liệt sĩ Phạm Văn Nhường, thôn đội bị giặc bắn trước cổng nhà, ngày Tết năm 1951. Cụ cho biết: Bố chồng cụ có người con gái gả cho anh Cả Ấm là con bác khóa Thi, là bác ruột Phạm Tất Đắc. Rời làng Dũng Kim chúng

tôi lên Hà Nội tìm được gia đình bà Phạm Thị Nội là con gái cụ Cả Ấm, người biết Phạm Tất Đắc. Bà Nội năm nay cũng gần tám mươi tuổi, ở số nhà 9A ngõ chợ Khâm Thiên. Bà nhớ lại: Năm hơn mười tuổi, bà được cha mẹ đưa đi dự đám tang người em họ là cậu Đắc. Do bị tra tấn trong nhà lao Hỏa Lò, cậu Đắc bị bệnh và mất tại nhà riêng ở chợ Đuổi (gần khu vực Vân Hồ bây giờ). Xe tang có hai con ngựa kéo, người đưa tang rất đông, mặc bọn chỉ điểm và mật thám rình rập. Phần mộ đặt trong nghĩa trang Hợp Thiện (nay là khu nhà máy Dệt 8-3), trên mộ ngày đó còn có tấm ảnh cậu Đắc(*).

Phạm Tất Đắc là con cụ Phạm Văn Hanh, làm thông phán nên thường gọi là Thông Mười, mẹ là cụ Lê Thị Giáo. Anh Đắc còn có ba người em là Phạm Hữu Lợi, Phạm Thị Đoan, Phạm Thị Trang. Bà Đoan đã mất ở Hà Nội, còn ông Lợi, bà Trang vào sinh sống và mất ở Sài Gòn đã lâu. Cụ Thông Mười làm việc ở nhà in IDEO (Imprimeriede L'Extrême Orient), phố Tràng Tiền (nay là Nhà in báo Nhân Dân), nên từ nhỏ Phạm Tất Đắc thường theo cha đến nhà in. Vốn thông minh, nhanh nhẹn và rất mê đọc sách báo. Bẩy tuổi anh Đắc học lớp đồng ấu,

---

(*) Hội Hợp Thiện: Năm 1905, doanh nhân Bạch Thái Bưởi và một số người khác bỏ tiền mua đất ở làng Quỳnh Lôi lập nghĩa trang gọi là "Phù thi tử lộ", chôn cất những người bị nạn. Phần mộ Phạm Tất Đắc đặt ở đây, khi xây dựng Nhà máy Dệt 8.3 dời đi nơi khác. Chúng tôi đã liên hệ với thân nhân và đang xúc tiến việc đi tìm phần mộ nhà thơ.

tám tuổi học lớp dự bị, chín tuổi học sơ học tiểu học, mười tuổi học lớp trung đẳng tiểu học, mười một tuổi học Cao đẳng tiểu học. Tốt nghiệp bậc này được nhận bằng tiểu học (Certificát d'Etudes Primaires), chuẩn bị thi vào trường trung học Pháp - Việt. Từ năm 1930, ở Việt Nam có hai trường trung học, là trường Pe'trus Ký ở Sài Gòn và trường Trung học bảo hộ ở Hà Nội (thường gọi là trường Bưởi). Ai học xong sẽ nhận bằng tú tài. Năm mười bốn tuổi (1923), Phạm Tất Đắc thi đậu trường Bưởi. Ba năm sau (1926), bị đuổi học vì tham gia tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh. Từ đấy, căn nhà của anh, nơi ngõ hẻm phố chợ Đuổi là nơi gặp gỡ bí mật của một số thanh niên cùng chí hướng. Phạm Tất Đắc viết văn, làm thơ và bài *Chiêu hồn nước* dài gần 200 câu, theo thể song thất lục bát ra đời. Chiều hồn: gọi hồn người đã khuất. Chiêu hồn nước là gọi hồn nước trở về. Với bút lực dồi dào, thơ viết như từ trong gan ruột, đoạn kết nói rõ ý tác giả:

Bài viết xong tai nghe miệng đọc
Miệng đọc xong giọt ngọc nhỏ sa
Nhỏ sa nên chữ hóa nhòa
Hóa nhòa nên mới in ra nghìn tờ
In nghìn tờ mà đưa công chúng
Công chúng xem mà bụng đổi dần
Đổi rồi thức kẻ xa gần
Rằng mau nên trả nợ nần non sông...

RA TÒA

Bài thơ viết xong, ban đầu tác giả đưa đến nhà in Nghiêm Hàm, nhưng người quản lý thấy nội dung dữ dội nên không dám nhận. Tác giả đưa đến Nhà in Thanh Niên. Sách in khổ nhỏ, 12 trang. Tác phẩm in xong được đón nhận, nhất là giới học sinh, sinh viên. Sách liền bị cấm. Tác giả bị bắt cùng với người quản lý nhà in.

Tại Thư viện Quốc gia Hà Nội, có phòng lưu trữ sách báo xuất bản trước năm 1945, dành cho các nhà nghiên cứu. Được nhà văn Lại Nguyên Ân, công tác tại Nhà xuất bản Hội Nhà văn chỉ dẫn, tôi tìm được tờ *Trung Lập Báo*, xuất bản ở Sài Gòn ngày 13-7-1927, có bài tường thuật phiên toà xử Phạm Tất Đắc. Bài báo viết:

Sáng thứ tư, ngày 15-6-1927, toà Trừng trị, họp hội đồng bất thường xử việc cậu Phạm Tất Đắc, can việc làm quyển Chiêu hồn nước và cậu Lê Cương Đồng can tội xuất bản cuốn sách ấy.

Trước toà, cậu Đắc khai bằng Tiếng Pháp: mục đích làm quyển Chiêu hồn nước là cốt bài bác chế độ ức bách dân Nam. Sau cậu Đắc xin nói bằng tiếng An - Nam.

Quan chánh án hỏi:

- Sao anh lại nói bằng tiếng Nam. Hay là có người làm sẵn để anh thuộc lòng hay sao?

Phạm Tất Đắc trả lời:

- Nói bằng tiếng Nam thì mới giải rõ được.

Ngài Cordir đưa ra quyển Chiêu hồn nước để cậu Đắc giải nghĩa một số câu như:

Cũng nhà cửa, cũng giang san
Thế mà nước mất nhà tan hỡi trời!

Nghiến răng một cái thẹn thùng
Mà chiêu hồn cũ lại cùng non sông

Bấy lâu thịt nát xương tan
Bấy lâu tím ruột thâm gan với trời

Còn chi sung sướng vẻ vang
Bằng đem da ngựa chiến tràng bọc thây

Hồn về non sông nước cũ
Mà mau mau giết lũ tham tàn
Mau mau giết đứa hại dân
Túi tham dám chứa bạc ngàn của dân...
...

Cậu Đắc nói:

- Nước Nam chưa được vinh dự như nước khác, là vì dân ta còn nhắm mắt phục tùng... Còn một vài câu khác, là vì làm thơ bắt buộc phải dùng như: *"Đem da ngựa chiến tràng bọc thây"*, là lấy một câu thơ cổ của Mã Viện. Nói: *"Tham tàn"* là chủ ý nói quan Nam ăn tiền dân...

Cậu Đắc giải thích hơn một giờ, còn ông Lê Cương Đồng khai về việc in. Đến hơn mười giờ quan biện lý Paul (Pôn), đứng dậy đọc tờ cáo rất nghiệt ngã. Tóm lại là: Quyển Chiêu hồn nước mỗi câu, mỗi ý đều có ý phản đối. Quyển sách này làm náo động dân An - Nam, nhất là học sinh nhỏ tuổi. Ví dụ như thứ tư tuần trước, có học sinh bị bắt ở Hà Nội đã lấy một câu Chiêu hồn nước để chửi lại cảnh sát Tây. Trạng sư Mansohn (Man Xôn), thầy cãi cho Phạm Tất Đắc nói đại ý: "Việc làm sách thì không thể coi là hành động được". Quan biện lý cãi lại. Sau đó trạng sư Bona cãi cho Đắc và Đồng. Bằng giọng vui vẻ khoan thai nói:

- Quan biện lý buộc tội khí quá nghiêm. Chứ gọi cậu Đắc là đấng cứu nước làm sao được ? Một học sinh mới 17 tuổi thì nghĩ đâu được lớn đến thế ? Còn anh Đồng làm nghề in chỉ vì mối lời, thì không thể so sánh với nhà xuất bản ở Châu Âu được !

12 giờ xử xong. Tòa nghị án. Đến 10 giờ ngày 17 tháng 6 năm 1927 (2 ngày sau) toà Trừng trị họp và tuyên án:

- Tha cho cậu Đắc vì làm ra quyển sách ấy. Nhưng toà quyết định giam vào nhà Trừng giới cho đến tuổi trưởng thành (21 tuổi).

Lê Cương Đồng bị tòa phạt 6 tháng tù vì tội a tòng.

Bản án, tố cáo chế độ thống trị của thực dân và sức sống mãnh liệt những câu thơ yêu nước của người vị thành niên.

TÙ TRẺ TUỔI

Được sự giúp đỡ của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bắc Giang, Huyện uỷ Lý Nhân và Tiến sĩ Khổng Đức Thiêm (Viện Lịch sử Đảng Trung ương), chúng tôi có thêm nguồn tư liệu về thời gian bị tù đầy của Phạm Tất Đắc.

Theo địa chí Bắc Giang, do ông Trịnh Như Tấu soạn thảo năm 1936: Nhà Trừng giới Trị Cụ, nay thuộc xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, nơi gần chợ Dĩnh nổi tiếng. Từ đầu thế kỷ XX, nhà cầm quyền Pháp đặt tại trại Yên Thế (Nhã Nam), nhà Trừng giới để giam giữ những trẻ gây án hoặc vô thừa nhận. Đến đầu năm 1925, số trẻ em bị giam đã lên tới 100. Trị Cụ là nơi hẻo lánh, ít đồi núi, rừng rậm, đất hoang hóa. Toàn quyền Đông Dương bắt trẻ nhỏ dầm mưa dãi nắng trong 4 năm, đóng và nung gạch xây nhà giam và trại lính khố xanh. Nhà Trừng giới có hai khu giam giữ trẻ gây án và trẻ vô thừa nhận. Mỗi khu lại chia theo độ tuổi (trên và dưới 14 tuổi). Đến năm 1932, trại đã giam cầm 243 trẻ em.

Theo quy định, trẻ phạm tội vào đây đến năm 21 tuổi được mãn hạn tù. Nhưng từ năm 1939, chúng giam giữ cả chính trị phạm nên đổi tên là nhà tù Trị Cụ, Phạm Tất Đắc từ Hoả Lò bị đưa lên đây từ cuối năm 1927. Ở trại, ông tiếp tục tuyên truyền chống Pháp, đánh giám thị, chúng liệt vào phần tử nguy hiểm, nên năm 1929, lại bị đưa về giam ở nhà lao Hoả Lò, cùng với những chiến sĩ cộng sản. Năm 1930, Phạm Tất Đắc được tha nhưng đòn tra tấn của giặc và bị tiêm thuốc độc làm suy kiệt sức lực, ông đã mất ngày 24-4-1935, trong niềm thương tiếc của gia đình, tổ chức và bạn bè. Năm ấy nhà thơ vừa tròn 26 tuổi. Cuộc đời ông là một kỳ tích.

Di cảo của ông để lại không nhiều. *Chiêu hồn nước* (xuất bản tại Nhà in Thanh Niên, năm 1927). Tấm gương yêu nước của người thanh niên trẻ, 75 năm qua, luôn là niềm tự hào của tuổi trẻ Việt Nam. Tác phẩm văn học của Phạm Tất Đắc, có vị trí xứng đáng trong dòng văn học Cách mạng và Yêu nước dân tộc.

(Văn Nghệ số Tết Nhâm Ngọ 2002)

NHÀ THƠ TÚ XƯƠNG

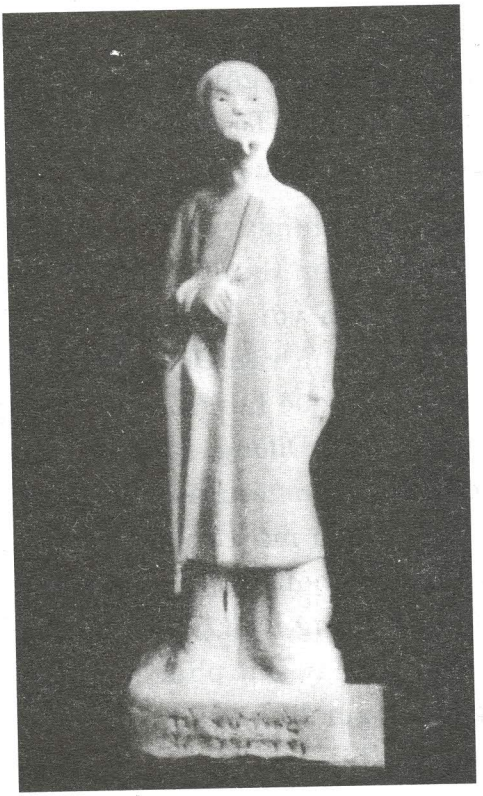

Nhà thơ Trần Tế Xương
phác thảo tượng của Dương Đình Khoa

GIA CẢNH

Trần Duy tộc phả, gia phả họ Trần Duy ở Vụ Xuyên, Mỹ Lộc, Nam Định, cho biết: Người trong họ nối đời theo đuổi thi cử. Ông nội nhà thơ, cụ Trần Duy Năng từng tám lần lều chõng, con cháu truyền gọi là cụ Khoá. Thân phụ nhà thơ, ông Trần Duy Nhuận cũng chẳng gặp may mắn trong khoa hoạn, làm thừa tại dinh Tổng đốc Nam Định, người phố quen gọi ông Tự Nhuận.

Trần Tế Xương sinh ngày 10-8-1870, hai năm sau giặc Pháp đánh chiếm thành Nam. Mười sáu tuổi, anh khoá kết duyên với cô hàng xóm Phạm Thị Mẫn (họ hàng với nhà văn Phạm Văn Củng), hơn chồng một tuổi, gốc quê làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, sang bờ sông Vụ định cư đã mấy đời. Nhà thơ đông anh em, đến đời mình lại mắn con, mới qua mấy khoa thi trong nhà đã mười miệng ăn. Vợ chồng thầy Tú được cha mẹ cho căn nhà 247 phố Hàng Nâu, vì tin bạn nên bị tịch biên mất. Chồng mải thơ phú, học hành thi cử, nguồn sống trong gia đình cậy trông vào đôi vai bà Tú đảm đang, tảo tần...

Trong thơ viết về con, Tú Xương mới kể tên bốn người *"Tèn Uông, tèn Bái, tèn Bột, tèn Bành"*, thực ra ông có đến tám (sáu trai, hai gái). Con cả Trần Thị

Thục, tiếp là Trần Duy Bành, Trần Bạch Khuê (thường gọi là ông Bột), Trần Tất Đạt (ông Bái), đến Trần Duy Uông, rồi Trần Thị Nhung (hai người đều mất trước và sau năm ông đỗ tú tài), Trần Tất Lãng, còn người con út Trần Duy Chữ mới sinh cũng mất cùng năm với cha. Khi ông Tú qua đời, bà Tú chưa đầy bốn mươi xuân. Bà ở dương sáu mươi hai năm, tạ thế năm 1931.

Trưởng nam Trần Duy Bành không có con trai, nên ông Trần Ngọc Hồ sinh năm 1929, con nối tông cụ Bạch Khuê (cụ Bột), là cháu đích tôn của nhà thơ, hiện sống ở thành Nam làm trưởng tộc. Sau vụ mất nhà, vợ chồng ông Tú phải đi ở nhờ nhà người chú trên làng Đệ Tứ (nhà thơ đã mất chính tại ngôi nhà này). Còn căn nhà 280 phố Hàng Nâu là tư gia của bố mẹ vợ cho vợ chồng ông. Sau khi bà Tú qua đời, ngôi nhà này được bán chia tiền cho các con. Trải mấy đời chủ, mặt sảnh ngôi nhà đã sửa, nhưng căn gác vẫn còn xưa cũ. Những dịp giỗ tết, con cháu các chi sống tại Hà Nội, Ninh Bình tụ hội, bao giờ cũng về thăm lại ngôi nhà xưa, rồi mới đến nhà trưởng tộc, ở một ngõ nhỏ trên đường Hưng Yên, nơi đặt bàn thờ nhà thơ Trần Tế Xương.

NGÀY MẤT

Đã có sách báo kể về ngày cuối cùng của nhà thơ, nhưng chưa làm thoả mãn bạn đọc. Các cố lão lần lượt ra đi. May thay, ở thành Nam còn nhiều người tâm huyết với việc nghiên cứu thân thế sự nghiệp của bậc "thần thơ, thánh chữ", trong đó có đôi bạn già Huy Vinh, Nguyệt Hồ. Cố hoạ sỹ Nguyệt Hồ (Vũ Tiến Đa), người đã từng minh hoạ cho *Tiểu thuyết thứ bảy*, để lại cho đời mấy bức tranh *Sông lấp, Ngõ Văn Nhân, Chợ Rồng*... mà các hoạ sỹ ngày nay cất công tìm kiếm. Còn nhà nghiên cứu VHDG Huy Vinh, sành Hán Nôm, dày công chú dịch, đính chính nhiều bản in thơ và câu đối của Tú Xương, tác giả *"Giai thoại Tú Xương"*, một tập sách được đông đảo độc giả đón nhận. Câu chuyện về cái chết của nhà thơ, các cụ thường kể, người viết bài này đã đối chiếu với tư liệu chính nơi xảy ra sự việc, câu chuyện như sau:

Nhà thơ Trần Tế Xương có người chú họ là cụ Trần Đăng Chu (trùm Chu 1864 - 1935), ở làng Đệ Tứ (một trong bốn hành cung nhà Trần xưa), nay thuộc ngoại thành Nam Định. Ông chú làm ăn khá giả, năm 1900 cất được nhà, nhà thơ đã có thơ mừng. Người chú họ có con rể là bác sỹ Nguyễn Xuân Chữ (1898 - 1967), người làng Phụ Long - thành phố Nam Định. Ông bí mật tham gia cuộc khởi nghĩa Yên Bái, sau

được nhà yêu nước Phan Bội Châu phái đi Nhật Bản theo cụ Cường Để. Ngày rằm tháng Chạp năm Bính Ngọ, người chú cho con trai là Trần Đăng Ruật (1895 - 1971), năm đó mới 13 tuổi xuống phố mời nhà thơ về quê ăn giỗ. Trời cuối năm mưa phùn gió bấc, ông Tú vận áo lương, khăn xếp, tay cầm ô, dắt theo cậu con trai nhỏ cùng người em họ từ nhà Hàng Nâu lên Đệ Tứ, quãng đường non vài cây số. Khách đông, có ông Cả Thuần (người mở hàng sắt đầu tiên ở Nam Định), ông Tạ Đình Hương làm một chức nhỏ, người ta quen gọi là ông Xã Địch cùng dự. Lúc chờ dọn cỗ, chuyện trò rôm rả, mọi người rời bỏ chiếu tổ tôm, mời nhà thơ chén rượu, chờ ông đọc thơ cho nghe. Chưa qua chén thứ hai, ông Tú xin kiếu vì thấy trong người khó ở. Nhà thơ ngả người xuống chiếc giường gỗ và bảo mang cho mình chiếu để đắp. Lúc sau, người nhà mở chiếu mời ông dậy đã thấy nhà thơ thất thần, lay gọi mãi không thưa, liền hô hoán cứu chữa. Chiếc áo lương kép (ngoài áo lương, trong áo trắng) và chiếc quần trắng vải cát bá đã ướt sũng. Nhà thơ lặng lẽ ra đi. Bấy giờ vào khoảng giờ Tỵ (mười giờ sáng), ngày rằm tháng chạp năm Bính Ngọ (28-1-1907), lúc đương tuổi ba bảy. Được tin dữ, bà Tú vội chạy đến với chồng, vừa chạy vừa khóc, mái tóc xổ tung...

Tin nhà thơ Tú Xương đột ngột qua đời làm ai nấy bàng hoàng sửng sốt. Cũng có tin đồn ông bị hại, vì đương thời thầy Tú có nhiều kẻ thù bởi tài châm biếm của ông. Cụ cử Cóc (cử Giác) cử nhân võ, tú tài văn, bạn thân thiết của nhà thơ, người thường có mặt trong các buổi chơi xa để ngầm bảo vệ bạn, từ bên kia bến đò Tân Đệ (Thái Bình) cũng chạy sang nói thằng thừng:

- Nếu tôi có mặt sớm chắc không xảy ra chuyện !

Nhà thơ mất, hàng phố ai cũng tiếc thương, còn bọn tay sai Pháp như trút gánh nặng. Nhiều nho sỹ dự đám hiếu có câu đối, bức trướng viếng ông, thể hiện tình cảm đặc biệt. Đôi câu đối của cụ Tam nguyên Yên Đổ từ làng Và, Bình Lục, Hà Nam gửi con xuống viếng người bạn thơ vong niên là đặc sắc hơn cả:

Dù ai chín suối xương không nát
Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn!(*)

(*) Về câu đối này, nhiều tuyển thơ ghi của nhà thơ Nguyễn Khuyến. Có nguồn tư liệu nói của tác giả khác, xin chép lại để bạn đọc tham khảo).

NHÀ THƠ LỚN CỦA DÂN TỘC

Ngày 20 tháng 4 năm 1969, nhà thơ Xuân Diệu về thành phố Nam Định thăm nhà Tú Xương, tới cánh đồng Cồn Vịt, nơi đặt phần mộ ông Tú. Nhà thơ lớn đương đại ngả mũ trước vong linh nhà thơ lớn thời cận đại. Trong tiết thanh minh, mùa xuân điểm hoa trên mộ người thơ. Chen với cỏ, lác đác sắc vàng của hoa cúc dại, lẫn loại hoa tím bé xíu theo kiểu hoa đậu... "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu"... tạo cảm xúc cho thi sỹ Xuân Diệu khởi bút viết thiên tiểu luận nổi tiếng, với nhiều chiêm nghiệm, phát hiện và bình giá chuẩn mực của ông về thơ Tú Xương.

Trong bối cảnh khẩn trương ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tỉnh Nam Hà (Nam Định - Hà Nam) khi đó, tiến hành chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà thơ Trần Tế Xương (1870 - 1970), là dịp tôn vinh giá trị tinh thần để bước vào cuộc chiến đấu. Tôi được biết, ông Phan Điền, Bí thư Tỉnh uỷ rất quan tâm và là người quyết định đưa di hài nhà thơ đã được người thân cải táng, đặt bia, về công viên Vị Xuyên, nơi mảnh đất nhà thơ chào đời, mặc dù khi ấy còn có ý kiến bàn cãi.

Lễ kỷ niệm trọng thể được các cơ quan Viện Văn học, Hội Nhà văn Việt Nam, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh

Nam Hà đồng tổ chức. Nhà văn Chu Văn - Trưởng Ty Văn hoá được giao chuẩn bị chương trình. Nhà văn Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, nhà thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Hoàng Trung Thông, Trần Lê Văn, Thợ Rèn, Hoài Anh... và nhiều văn nghệ sỹ, nhạc sỹ quê hương từ Thủ đô Hà Nội, thị xã Phủ Lý về dự. Ban tổ chức có chủ trương mời một số cây bút trẻ là cộng tác viên của Ty Văn hoá, nên nhà thơ Nguyễn Đức Mậu ở quân đội và tôi đang công tác ở CP90 (Đài Phát thanh Giải phóng), cùng nhiều bạn viết trẻ cũng được tham dự. Nơi đón các nhà văn là nhà khách Trường Đảng tỉnh. Tôi còn nhớ nhà thơ Xuân Diệu, nhà thơ Thợ Rèn được bố trí một phòng tầng hai đối diện trường Lê Hồng Phong. Phòng còn kê những chiếc giường cá nhân mộc mạc.

Đón di hài nhà thơ Tú Xương từ cánh đồng Lộc Hạ (nay là khu nhà máy hoa quả hộp và bột dinh dưỡng) về trung tâm thành phố lúc 6 giờ sáng. Rước di hài là xe của đội nghĩa trang thành phố Nam Định, trên xe có các vị thân nhân nhà thơ. Trên giá gỗ sơn son đặt chiếc tiểu phủ tấm lụa đỏ. Thật trùng hợp, chính chiếc xe và nhân viên đội nghĩa trang này đã từng đưa nhà thơ Nguyễn Bính từ nơi ông mất xã Công Lý, huyện Lý Nhân (Hà Nam) về yên nghỉ nơi nghĩa trang Cầu Họ, bên đường quốc

lộ 21, mùa xuân 1966. Đón cụ Tú, mọi người truyền nhau "Xương cốt cụ còn nguyên rất tốt". Kể lại chuyện này với nhà văn Đào Vũ, tôi nhớ mãi câu nói của ông: "Giá có điều kiện chuẩn bị thạch cao lấy mẫu khuôn mặt cụ, sau này đắp tượng thì hay biết bao".

Cuộc tọa đàm được tổ chức ngay chiều hôm đó. Ông Phan Điền chăm chú ghi từng ý kiến phát biểu của các nhà văn. Có người đề xuất dựng tượng đài, thiết kế ngôi mộ sao cho hợp với truyền thống kiến trúc Việt Nam, hợp với một công viên văn hoá. Sôi nổi hơn cả là các ý kiến đề nghị quản lý, trùng tu ngôi nhà 280 phố Hàng Nâu, là điểm di tích văn hoá cho người Nam Định và cho mai sau.

Đêm ấy, hội trường Nhà hát 3-2 chật kín chỗ ngồi. Sau lời khai mạc của nhà văn Chu Văn, nhà thơ Xuân Diệu bước lên diễn đàn trong tiếng vỗ tay không dứt. Đêm vào khuya, giọng ngâm của nghệ sĩ ưu tú Kim Liên, người vừa phục vụ hội nghị Paris về nước, với tiếng đàn của nghệ sĩ ưu tú Thế Tuyền làm thổn thức mỗi con tim.

Từ diễn đàn này, nhà thơ Xuân Diệu người đầu tiên xếp Tú Xương nhà thơ lớn sau bốn thi hào sáng chói của thi ca nước Việt: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến.

GIẬT MÌNH
CÒN TƯỞNG TIẾNG AI GỌI ĐÒ

Trong tâm tưởng người thành Nam, non Côi sông Vị đã trở thành biểu tượng sơn thuỷ của vùng đất văn hiến. Non Côi (Côi Sơn), là núi Côi quen gọi là núi Gôi, nay thuộc đất lỵ sở huyện Vụ Bản. Các ngọn núi Gôi (Nam Định), Đọi Sơn, Quế Sơn, An Lão (Hà Nam) được gọi là đồi núi sót. Gôi là trơ trọi. Quyển sơn núi cuốn cờ. Đọi là bát úp. Điệp (Kim Ngưu) núi trâu nằm. Núi Trang Nghiêm trong thơ Nguyễn Bính là đứng đắn... Sông Vị Hoàng có trong thơ thi hào Nguyễn Du *Vị Hoàng giang thượng Vị Hoàng doanh* và trong thơ ông Tú, *Vị Hoàng hoài cổ*. Làng Vị Hoàng năm 1865 được vua Tự Đức cải là Vị Xuyên (kiêng huý tên chúa Nguyễn Hoàng), nên các danh nhân thành Nam đều được gọi theo tên làng như Tam nguyên Vị Xuyên Trần Bích San, ông Tú Vị Xuyên... Sông này đầu thế kỷ XX bị lấp dần, nên Tú Xương mới ứng tác bài *Sông Lấp* nổi tiếng:

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò...

Có thể do quá thâm tình với con sông mà từ bậc thân sinh, cụ Tự Nhuận (nhuận là ướt, như nhuận bút có cái để ướt giấy bút!). Nhà thơ tên chữ là Trần Duy Uyên mang nghĩa uyên thâm. Các con trai đặt là Bột: phát lên. Bành: tràn ra. Bái: nhìn lại. Đến người em gái nhà thơ bà Trần Thị Khiết (tinh khiết), lấy ông nghè Mai Công Hoán... Mỗi người trong nhà tên chữ đều có chấm thuỷ, thể hiện gắn bó bền chặt với con sông. Lại nói phố Hàng Nâu xưa trồng nhiều nhãn. Nhãn có long nhãn, cây cũng gắn thiết chuyện đời, thật chí lý thay. Chả thế mà chỉ nghe một tiếng ếch kêu đâu đó, nhà thơ *"Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò"*. Câu thơ làm sống lại một thời, một chữ gợi muôn thời gian, đánh đổi chữ *còn* bằng chữ *lại* nghe kém dư ba...

Nam Định 5-2005

(Văn Nghệ Trẻ số 33 (455) - 14.8.2005)

KÉP TRÀ - NHÀ GIÁO - NHÀ THƠ TRÀO PHÚNG

Nhà thơ Kép Trà - Hoàng Thụy Phương (1873 - 1928)
Tượng gỗ do các môn sinh tạc thờ năm 1923

Trong kho tàng văn học dân gian Hà Nam, phần ca dao mở đầu:

Núi Đọi ai đắp mà cao
Ngã ba sông Móng ai đào mà sâu
Giẽ Giuột ai bắc nên cầu
Bến sông Thọ Cầu ai chở đò ngang...

Núi Đọi - nơi có chùa Long Đọi, có tấm bia thời Lý do Lý Nhân Tông dựng năm 1121. Ngã ba sông Móng, là nơi phát tích các điệu dân ca sông nước xứ Nam. Còn Giẽ Giuột, nơi đêm trước mùa xuân 1789, một cánh quân của người anh hùng dân tộc Quang Trung, qua đêm trú tại đình Lê Xá, chuẩn bị tiến đánh đồn Ngọc Hồi, giải phóng Thăng Long. Nơi đoàn quân đi qua sông, gọi là cầu Giẽ. Còn bến sông Thọ Cầu - có người gọi là Thọ Kiều - tức bến đò Câu Tử, đường kiệu rước nước mỗi khi hội chùa Long Đọi...

Chưa ai xác định niên đại câu ca truyền khẩu. Nhưng trong dân gian còn lưu truyền câu chuyện tình cách đây trên 1.000 năm, giữa viên tướng trẻ của Thập Đạo tướng quân Lê Hoàn và cô gái họ Đào chở đò ngang bến sông Châu. Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* chép: Sông Châu thời Nguyễn có năm bến đò chính là Châu Cầu, Triệu Xá, Lê Xá,

Dưỡng Mông, Quang Ấm... Chuyện kể rằng: Một ngày, có viên tướng trẻ cưỡi con ngựa bạch qua đây. Cô lái đò xinh đẹp chở viên tướng và con ngựa qua sông. Tới giữa dòng, sóng lũ ào về, cô gái vùng sông nước đã dìu được người khách lạ lên bờ, còn con ngựa mãi mãi nằm lại với dòng sông sâu, để bến Thọ Kiều mang cái tên nôm là bến đò Câu Tử. Qua cơn hoạn nạn, cho là duyên trời viên tướng và cô gái hẹn hò kết tóc xe tơ. Nhưng người ấy một đi không trở lại... Câu chuyện của họ lại được người nghệ sĩ dân gian kể thành bài hát, đó là điệu hát Mụa truyền khẩu.

Trên trời có đám mây xanh
Có con ngựa bạch chạy quanh gầm trời
Đôi ta muốn lấy nhau chơi
Cái duyên không đặng, mà trời không xe...

Trên cái dải đất quanh sườn núi Đọi còn bao mối nhân duyên kỳ lạ như thế. Đó là chuyện bà Trương Thị Ích con gái Tiến sĩ Trương Minh Lượng người làng Nguyễn Xá nay là thôn Ngô Trung, xã Tiên Nội (Duy Tiên) kết duyên cùng Tiến sĩ Lê Phú Thứ người làng Diên Hà tỉnh Thái Bình, sinh ra nhà bác học, bảng nhãn Lê Quý Đôn (1726 - 1784).